

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2015/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 18 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính Phủ về Đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 139/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2012 Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 17/TTr-SNN ngày 09 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đàm Văn Eng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn
kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**
*(ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
2. Những nội dung chi và mức hỗ trợ khác không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sản xuất: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp nhỏ trực tiếp hoạt động lĩnh vực khuyến nông.
2. Tổ chức khuyến nông trong nước và nước ngoài thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ.
3. Người hoạt động khuyến nông tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân tỉnh Cao Bằng để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ.
3. Cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chương II NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 3. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. **Nội dung chi:** Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp

học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ.

2. Đối tượng và mức hỗ trợ

2.1. Đối với người sản xuất:

a. Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo

- Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học;
- Hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 70.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tổ chức tại cấp tỉnh; không quá 50.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tổ chức tại cấp huyện; không quá 25.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tổ chức tại cấp xã;
- Hỗ trợ tiền đi lại theo giá giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thanh toán theo quãng đường thực tế từ nơi cư trú đến nơi tập huấn và đào tạo theo mức 730 đồng/km, song tối đa không quá 150.000 đồng/người/khoá học.
- Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

b. Người nông dân sản xuất hàng hoá, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã:

- Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học;
- Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% theo mức quy định đối với người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo;
- Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí.

c. Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham dự đào tạo.

2. 2. Đối với người hoạt động khuyến nông khi tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được hỗ trợ:

a. Người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

b. Người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định đối với người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo.

2.3. Chi bồi dưỡng giảng viên (bao gồm cả việc soạn giáo án bài giảng)

Tuỳ theo đối tượng, trình độ học viên mà các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ quan đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bố trí giảng viên cho phù hợp.

- Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo sở, huyện tối đa không quá 500.000đ/buổi.
- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ cấp tỉnh tối đa không quá 400.000đ/buổi.
- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ cấp huyện trở xuống tối đa 300.000đ/buổi.
- Trợ giảng, hướng dẫn tham quan 200.000đ/buổi.
- Chi phí đi lại, chỗ ở, tiền ăn cho giảng viên: Trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo, tập huấn không có phương tiện và các điều kiện để bố trí chỗ ở cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo chế độ công tác phí hiện hành.

Điều 4. Chi xây dựng các mô hình trình diễn khuyến nông

1. Nội dung

1.1. Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với quy mô cấp vùng, miền, Quốc gia;

1.2. Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao;

1.3. Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

1.4. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn; chi triển khai mô hình trình diễn.

2. Mức hỗ trợ

2.1. Chi xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất

a. Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn:

- Các xã vùng II, vùng III được hỗ trợ 100% chi phí mua giống cây trồng, vật nuôi và các vật tư thiết yếu (bao gồm các loại phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vắc xin, thuốc thủy sản, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản).

- Các xã vùng I được hỗ trợ 100% chi phí mua giống cây trồng, vật nuôi và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu.

b. Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến sản phẩm nông nghiệp được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị:

- Các xã vùng II, vùng III được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/mô hình.

- Các xã vùng I được hỗ trợ tối đa 75% chi phí, nhưng không quá 125 triệu đồng/mô hình.

c. Mô hình ứng dụng công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

d. Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu/mô hình.

2.2. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương tối thiểu/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

2.3. Chi triển khai mô hình trình diễn: Tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Mức chi tối đa không quá 12 triệu đồng/mô

hình; mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình. Trong đó, mức chi hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn 25.000 đồng/người/ngày.

Điều 5. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ. Mức chi tối đa 15 triệu đồng/mô hình điển hình sản xuất tiên tiến; trong đó mức hỗ trợ cho người tham gia triển khai mô hình, giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật áp dụng theo Khoản 2, Điều 3 Quy định này.

Điều 6. Chi thông tin tuyên truyền

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân có phương án, kế hoạch thông tin tuyên truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, các tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến, cụ thể:

1. Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Tạp chí khuyến nông: Hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Tạp chí khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện theo theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

2. Chi biên soạn, in ấn và phát hành bản tin nông nghiệp và phát triển nông thôn Cao Bằng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Diễn đàn khuyến nông (các hoạt động đối thoại, cung cấp thông tin về các hoạt động sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới...) gồm: Chi thuê hội trường, tài liệu, tiền nước uống, báo cáo viên; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn. Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn theo Khoản 2, Điều 3 Quy định này; mức chi nước uống, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Hội nghị: Tổng kết khuyến nông, Giao ban khuyến nông. Mức chi theo quy định hiện hành về chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Tham gia Hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp ngoài tỉnh, trong tỉnh: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, thông tin tuyên truyền hội chợ, hoạt động của Ban tổ chức.

6. Chi hội thi khuyến nông, gồm: Chi tuyên truyền, hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc; chi hóa chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (nếu có); chi đạo diễn và biên tập chương trình; chi giải thưởng; chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho đội tuyển dự thi, đại biểu, khách mời tham gia cổ động (nếu có) và chi khác. Mức chi theo quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng hội thi.

Điều 7. Chi quản lý chương trình, dự án khuyến nông

1. Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được sử dụng tối đa không quá 2% kinh phí khuyến nông do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các

chương trình, dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá, gồm: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, dự án khuyến nông; chi khác (nếu có). Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí.

2. Đối với tổ chức thực hiện dự án khuyến nông: Đơn vị triển khai thực hiện dự án khuyến nông được chi không quá 3% dự toán dự án khuyến nông (riêng dự án ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo được chi không quá 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

Điều 8. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

1. Lập dự toán: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán kinh phí khuyến nông, để tổng hợp vào dự toán ngân sách Nhà nước của Sở, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Phân bổ và giao dự toán

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, căn cứ kết quả xét chọn, hoặc đấu thầu dự án khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập phương án phân bổ kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông thực hiện.

Đối với các đơn vị không trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí khuyến nông cho đơn vị dự toán trực thuộc Sở để ký hợp đồng thực hiện. Phương án phân bổ kinh phí khuyến nông chi tiết theo chương trình, dự án; gửi Sở Tài chính thẩm tra theo quy định.

Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính về phương án phân bổ dự toán, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc (gồm: Đơn vị được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông thực hiện và đơn vị được giao ký hợp đồng khuyến nông); đồng gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch, chi tiết theo chương trình, dự án để phối hợp thực hiện.

3. Quyết toán kinh phí khuyến nông

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xét duyệt quyết toán năm cho các đơn vị dự toán trực thuộc theo quy định;

Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán kinh phí hành chính, sự nghiệp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm cả kinh phí khuyến nông địa phương.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.
2. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Thành phố có trách nhiệm thực hiện nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương đúng Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng